

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 316/2018/HNGĐ-ST

Ngày : 26 – 7 – 2018

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Khắc Chung
2. Ông Phạm Văn Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Dương Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Hoàng Vũ – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 200/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Bùi Phước H, sinh năm 1969. Địa chỉ nơi cư trú: Số 892, tổ 27, ấp B, xã M, huyện X, tỉnh An Giang. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị Huy L, sinh năm 1971. Địa chỉ nơi cư trú: Số 892, tổ 27, ấp B, xã M, huyện X, tỉnh An Giang (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 4 năm 2018, nguyên đơn ông H trình bày như sau: Năm 1991, ông H và bà L chung sống với nhau nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng không hòa thuận, thường xảy ra mâu thuẫn, cự cãi nhau. Hiện nay, tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, không quan tâm đến nhau. Nay ông H yêu cầu được ly hôn với bà L. Thời gian chung sống có 02 con chung tên Bùi T, sinh năm 1994 đã trưởng thành và Bùi K, sinh năm 2004. Khi ly hôn, ông H yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Thiên Âm, không yêu cầu bà L cấp dưỡng cho con chung. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, bà L có bản tự khai trình bày ý kiến: Thống nhất thời gian chung sống, vợ chồng chưa đăng ký kết hôn. Bà L đồng ý ly hôn với ông H, thống nhất có 02 con chung tên Bùi T, sinh năm 1994 đã trưởng thành và Bùi K, sinh năm 2004. Đồng ý ông H tiếp tục nuôi Thiên Âm, còn Nguyệt Bạch

đã thành niên; về quan hệ tài sản chung: Có nhưng không yêu cầu giải quyết; nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn; yêu cầu tiếp tục nuôi con chung tên Thiên Âm, không yêu cầu bà L cấp dưỡng cho con. Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, quan hệ nợ chung: Không có.

- Bị đơn là bà L: Đồng ý ly hôn, về con chung tên Thiên Âm đồng ý giao con chung cho ông H tiếp tục nuôi; về tài sản chung có nhưng không yêu cầu giải quyết; về nợ chung: không có.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Ông H và bà L chung sống nhưng không đăng ký kết hôn là không đúng quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Xét thấy, thời gian chung sống cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, ông H giữ yêu cầu xin ly hôn. Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông H và bà L.

+ Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Bùi T, sinh năm 1994 đã trưởng thành và Bùi K, sinh năm 2004; Thiên Âm đang được ông H trực tiếp nuôi, nguyện vọng của con là được sống với ông H. Đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận tự thỏa thuận nuôi con chung tên Bùi K do cho ông H trực tiếp nuôi; đối với Nguyệt Bạch đã trưởng thành nên đề nghị không xem xét. Về cấp dưỡng cho con, tại phiên tòa ông H không yêu cầu bà L cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết và nợ chung: Không có. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết đúng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Ông H và bà L đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp B, xã M, huyện X, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà L đều thống nhất thời gian chung sống từ năm 1991 cho đến nay chưa đăng ký kết hôn. Các đương sự có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng chưa đăng ký kết hôn là không đúng quy định tại khoản 5 Điều 3, khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014 nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Đồng thời, bà L có văn bản trình bày ý kiến đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông H, cả hai không còn tình cảm nên không thể tiếp tục chung sống, thời gian ly thân đã lâu. Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Bùi Phước H với bà Lê Thị Huy L.

- Về quan hệ con chung: Thời gian chung sống, thống nhất có 02 con chung tên Bùi T, sinh năm 1994 đã trưởng thành, có khả năng lao động được nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với con chung tên Bùi K, sinh năm 2004 đang được ông H trực tiếp nuôi, nguyện vọng của con là được sống với ông H, đồng thời bà L đồng ý ông H tiếp tục nuôi Thiên Âm. Đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận tự nguyện thỏa thuận nuôi con chung tên Bùi K do ông H trực tiếp nuôi; Về cấp dưỡng cho con, tại phiên tòa ông H không yêu cầu bà L cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Ông H cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà L thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; về quan hệ nợ chung: Không có nên không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ông H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2016/0002492 ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 5 Điều 3; Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Khoản 1, khoản 2 Điều 81; Khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Bùi Phước H với bà Lê Thị Huy L.

- Về quan hệ con chung:

+ Con chung tên Bùi T, sinh năm 1994 đã trưởng thành, có khả năng lao động được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Công nhận tự nguyện thỏa thuận ông Bùi Phước H trực tiếp nuôi con chung tên Bùi K, sinh năm 2004; không yêu cầu bà L cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Ông H cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà L thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về quan hệ nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn ông Bùi Phước H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2016/0002492 ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND.AG;
- VKSND.HCP;
- THA HCP;
- Đương sự (Để thi hành);
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Yến Anh